TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÔNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 9 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DÔNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Rmah In 2. Ông Phan Văn Hòe

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tiến – Kiểm sát viên

Vào ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Buôn C, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

* Bị đơn: Ông Trần Minh D, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Buôn C, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2022 cũng như trong quá trình tham gia tố tụng tại toà án, nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Bà và ông Trần Minh D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2004. Trong thời gian chung sống, ông bà có 05 con chung là Trần Thị Kim L,

sinh ngày 30/3/2013; Trần Thị Kim Th, sinh ngày 31/7/2011; Trần Thị Kim P, sinh ngày 25/8/2006; Trần Thị Kim L1, sinh ngày 16/7/2001 và Trần Thị Kim O, sinh ngày 23/8/1999.

Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hầu như không có hạnh phúc, mỗi lần uống rượu thì ông Trần Minh D trở thành một con người khác, luôn gây sự vô cớ, chửi mắng, đánh đập vợ con. Chính quyền địa phương, hàng xóm láng giềng nhiều lần hòa giải, can ngăn nhưng ông D vẫn chứng nào tật nấy. Nay bà không thể chịu đựng nổi cuộc sống bị bạo hành về thể xác và tinh thần, cuộc sống chung không có hành phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Cháu Trần Thị Kim L1 và Trần Thị Kim O đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cả 03 cháu Trần Thị Kim L, Trần Thị Kim Th và Trần Thị Kim P đều là con gái, trước giờ chủ yếu do bà chăm sóc, nuôi dạy, vì vậy khi ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung.

Tại đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 30/8/2022, bà N thay đổi yêu cầu về con chung, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cháu Trần Thị Kim L, Trần Thị Kim Th còn đề nghị giao cháu Trần Thị Kim P cho ông Trần Minh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn Trần Minh D trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2004. Trong thời gian chung sống, ông bà có 05 con chung như bà N đã trình bày.

Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc, thỉnh thoảng ông có uống rượu, có chuyện gì bực mình thì ông bà có nói qua nói lại, cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau chủ yếu do nguyên nhân người ngoài nói xấu, tác động, đưa chuyện gia đình ông bà; ông có kéo tay, túm tóc bà N lại để vợ chồng nói chuyện nhưng bà không nghe chứ không đánh đập bà N. Tuy nhiên, vợ chồng cãi vã, mâu thuẫn những chuyện nhỏ nhặt, ông bà vẫn còn tình cảm với nhau, các

con thì còn nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Các cháu Trần Thị Kim L1 và Trần Thị Kim O đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh nên không ông yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp nếu phải ly hôn, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung là cháu Trần Thị Kim L, Trần Thị Kim Th và Trần Thị Kim P . Hiện nay ông làm thợ cơ khí, thợ xây theo công trình xây dựng, các công trình thường ở các huyện trong phạm vi thuộc tỉnh Đắk Lắk. Thu nhập trung bình từ 08 – 10 triệu đồng/tháng nên ông đủ khả năng nuôi các con.

Cháu Trần Thị Kim P, Trần Thị Kim L và cháu Trần Thị Kim Th hiện nay các cháu đi theo mẹ và đang ở với mẹ tại nhà bố mẹ vợ ông (nhà đã cho vợ chồng ông nhưng không có giấy tờ) tại Buôn C (trước là buôn E), xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tại nhà bố mẹ vợ ông và nhà vợ chồng ông đều gần trường, đi học đều thuận tiện.

Ông cho rằng bà Nguyễn Thị N hiện đang làm nông, chăn nuôi tại nhà, thu nhập không cao nên không có khả năng nuôi con, vì vậy ông đề nghị giao các con chung cho ông nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Cháu Trần Thị Kim P trình bày: Nếu bố mẹ cháu L hôn thì cháu có nguyện vọng được ở bố vì cháu đã lớn, có thể tự lo mọi sinh hoạt cá nhân và việc học hành mà không cần sự quản thúc của bố mẹ. Nếu mẹ cháu nuôi cả 03 chị em sẽ rất vất vả, bố cháu thường xuyên phải đi làm không có ai phụ giúp cơm nước, dọn dẹp nhà cửa nên cháu muốn ở với bố để đỡ đần cho bố.

Cháu Trần Thị Kim Th trình bày: Nếu bố mẹ cháu L hôn thì cháu muốn ở với mẹ vì bố uống say thường hay đánh đập mẹ và cháu.

Cháu Trần Thị Kim L trình bày: Nếu bố mẹ cháu L hôn thì cháu muốn ở với mẹ vì bố mỗi lần say rượu về chửi mẹ, đánh mẹ, bố hay chửi mắng cháu nên cháu rất sợ bố, vì vậy cháu mong Tòa án cho cháu được ở với mẹ.

Qua trình bày của những người làm chứng xung quanh khu vực nhà ông Trần Minh D và bà Nguyễn Thị N cho biết: ông Trần Minh D và bà Nguyễn Thị N

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông D thường hay nhậu nhẹt về ghen tuông và xảy ra xô sát với bà N. Hiện nay ông D và bà N không còn chung sống với nhau.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy: ông Trần Minh D và bà Nguyễn Thị N xảy ra mâu thuẫn do ông D thường uống rượu say về vợ chồng cãi vã, ông D ghen tuông vô cớ, chửi bới và đánh đập bà N. Từ khoảng tháng 6/2022 đến nay, ông D và bà N không chung sống với nhau nữa.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vẫn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với ông D, được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Kim L và Trần Thị Kim Th, đề nghị giao cháu Trần Thị Kim P cho ông Trần Minh D trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Minh D không đồng ý ly hôn, trường hợp nêu phải ly hôn, ông đồng ý trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Kim P và đồng ý giao cháu Trần Thị Kim L và Trần Thị Kim Th cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã được đảm bảo đầy đủ các quyền và lời ích hợp pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Thị Kim L và cháu Trần Thị Kim Th cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Thị Kim P cho ông Trần Minh D trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của ông D và bà N.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết "ly hôn và trông chấp về con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Minh D chung sống với nhau từ năm 1998, sau đó tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2004, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Nguyễn Thị N cho rằng vợ chồng chung sống hầu như không có hạnh phúc, mỗi lần uống rượu thì ông Trần Minh D luôn gây sự vô cớ, chửi mắng, đánh đập vợ con. Chính quyền địa phương, hàng xóm láng giềng nhiều lần hòa giải, can ngăn nhưng ông D vẫn chứng nào tật nấy. Nay bà không thể chịu đựng nổi cuộc sống bị bạo hành về thể xác và tinh thần, cuộc sống chung không có hành phúc nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Ông Trần Minh D cho rằng vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc, có mâu thuẫn nhỏ nhặt nhưng ông bà vẫn còn tình cảm với nhau, các con thì còn nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn. Xét thấy mặc dù ông D không đồng ý ly hôn nhưng bản thân ông D thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, khi uống rượu, bực mình thì vợ chồng có nói qua nói lại, cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau, ông có túm kéo tay, túm

tóc bà để nói chuyện, theo ông nguyên nhân chủ yếu là do người ngoài tác động, ông nghe nói bà N thường xuyên gọi điện cho người khác, dẫn đàn ông lạ về nhà nên ông yêu cầu bà giải thích nhưng bà không giải thích, ông góp ý không nên chơi với một số bạn bè không tốt nhưng bà không nghe, vì vậy ông mới bức xúc, nặng lời với bà N. Mặt khác, qua lời trình bày của các con và những người làm chứng xung quanh khu vực nhà ông ở cũng như chính quyền địa phương xác nhận, ông D thường xuyên uống rượu, về gây sự, ghen tuông vô cớ và đánh đập bà N, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông bà không còn sống chung từ tháng 6/2022 cho đến nay. Như vậy, lời trình bày của bà N về mâu thuẫn vợ chồng là có cơ sở.

Xét thấy tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, phải tự nguyện yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; phải có sự tôn trọng, giúp nhau cũng tiến bộ và đảm bảo gia đình hòa thuận, hạnh phúc thì các thành viên trong gia đình mới có điều kiện để phát triển bản thân. Tuy nhiên, trong quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà N đã không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, chỉ vì lời nói không có căn cứ từ người khác mà ông D đã có hành vi xúc phạm, đánh đập bà N, đây là hành vi bạo lực gia đình, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho các thành viên trong gia đình và làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm, sinh lý của các con chưa thành niên. Mặt khác, ông bà đã sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay, mặc dù đã được Tòa án hòa giải nhưng không thể hàn gắn quay về đoàn tụ, bà N không còn tình cảm với ông D, cuộc sống chung của ông bà luôn xảy ra mâu thuẫn, không có hạnh phúc nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 05 con chung là các cháu: Trần Thị Kim L, sinh ngày 30/3/2013; Trần Thị Kim Th, sinh ngày 31/7/2011; Trần Thị Kim P, sinh ngày 25/8/2006; Trần Thị Kim L1, sinh ngày 16/7/2001 và Trần Thị Kim O, sinh ngày 23/8/1999.

Cháu Trần Thị Kim L1 và Trần Thị Kim O đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, các bên không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với cháu Trần Thị Kim Th (sinh năm 2011) và cháu Trần Thị Kim L (sinh năm 2013) đều là con gái, các cháu còn nhỏ chưa thể tự lo cho bản thân, cần sự quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ, các cháu lại có nguyện vọng được ở

với mẹ, bà N và ông D đều thống nhất ý kiến giao cháu L và cháu Th cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là ý kiến tự nguyện của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần công nhận.

Đối với cháu Trần Thị Kim P, cháu đã lớn, có thể tự lo mọi sinh hoạt cá nhân và việc học hành mà không cần sự quản thúc của bố mẹ. Ông D và bà N đều thống nhất ý kiến giao cháu P cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên và cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu P, do đó cần chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con, nợ chung, tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên bà N thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà N.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Trần Minh D.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của ông Trần Minh D và bà Nguyễn Thị N, cụ thể như sau:

Giao cháu Trần Thị Kim L, sinh ngày 30/3/2013 và cháu Trần Thị Kim Th, sinh ngày 31/7/2011 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Trần Thị Kim P, sinh ngày 25/8/2006 cho ông Trần Minh D trực tiếp nuôi dưỡng cho

đến khi cac cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con thực hiện các quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị N.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Tâm

Nơi nhận:
-TANDTC;
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
-Các ĐS;
-THADS huyện K;
- UBND xã Y, huyện K;
-Lưu Hồ sơ.